

PHÂN TÍCH MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI 2010 VÀ ĐỀ RA CÁC BIỆN PHÁP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NHẪM HOÀN THIỆN LUẬT

● NGUYỄN MINH ĐỨC

TÓM TẮT:

Luật Trọng tài thương mại (TTTM) 2010 đã góp phần quan trọng vào việc cải thiện hệ thống tư pháp, mở rộng mạng lưới các trung tâm trọng tài và trọng tài viên ở Việt Nam. Tuy vậy, trong quá trình thực hiện, đã xuất hiện một số hạn chế liên quan đến thẩm quyền, thỏa thuận trọng tài, phương thức trọng tài và việc điều hành hoạt động TTTM tại Việt Nam. Bài viết phân tích một số hạn chế đó trong Luật TTTM 2010 và đề ra các biện pháp sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện Luật TTTM 2010.

Từ khóa: trọng tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại, trung tâm trọng tài, trọng tài viên, Luật Trọng tài thương mại 2010.

1. Đặt vấn đề

Trong lĩnh vực thương mại, trọng tài trở thành một phương thức giải quyết tranh chấp đáp ứng nhu cầu của thương nhân. Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, trọng tài dần trở thành phương thức giải quyết tranh chấp phổ biến và được công nhận bởi pháp luật như một phương thức độc lập, hiệu quả trong giải quyết các tranh chấp thương mại. Trọng tài được biết đến như một cách thức giải quyết tranh chấp có sự tham gia của bên thứ ba, kết hợp tính tự do thỏa thuận và ôn hòa của các hình thức thương lượng, hòa giải, đồng thời cũng mang tính cưỡng chế bắt buộc, tạo nên một phương thức trung hòa.

Điều này được thể hiện rõ qua cách tiếp cận khái niệm trọng tài trong pháp luật Việt Nam, cũng như quốc tế. Luật mẫu về TTTM Quốc tế của UNCITRAL quy định: “Trọng tài nghĩa là mọi hình

thức trọng tài có hoặc không có giám sát của một tổ chức trọng tài thường trực”. Pháp luật Việt Nam cũng có cách tiếp cận tương tự khi khoản 1 điều 3 Luật TTTM 2010 quy định: TTTM là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận và được tiến hành theo quy định của Luật TTTM. Trọng tài là phương thức kết hợp hài hòa những ưu thế của các phương thức khác và ngày càng trở nên phổ biến ở các quốc gia trên thế giới. Hầu hết các quốc gia đều áp dụng phương thức này vì những ưu thế mà nó mang lại, giúp giải quyết tranh chấp nhanh chóng và hiệu quả hơn¹.

Với phương thức trọng tài, người ta thấy được những ưu thế so với các phương thức giải quyết tranh chấp khác.

Trọng tài cung cấp cho các bên tham gia cơ hội tối ưu để tự quyết định về cách thức giải quyết của mình mà không bị giới hạn bởi các quy định cứng

nhắc như tham gia tố tụng tại tòa án. Trong quá trình này, các bên được tự do lựa chọn không chỉ trung tâm trọng tài, mà còn bao gồm phương thức trọng tài và trọng tài viên, giúp đưa ra quyết định cuối cùng dựa trên ý định và điều kiện của họ, không phụ thuộc vào địa điểm đặt trụ sở hoặc cư trú.

Trọng tài là một cơ chế giải quyết tranh chấp liên tục, tiết kiệm thời gian, đảm bảo tính mềm dẻo, nhanh chóng, linh hoạt cho các bên. Xuất phát từ quyền định đoạt của các bên tranh chấp nên hoạt động của trọng tài diễn ra liên tục, nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian hơn. Đây là ưu điểm các nhà kinh doanh ưa chuộng vì thời gian đối với họ vô cùng quý báu.

Trọng tài thương mại mang lại một cách thức giải quyết tranh chấp bảo mật, nhằm bảo vệ danh dự và thông tin cá nhân của các bên tham gia. Quá trình giải quyết này diễn ra linh hoạt và kín đáo, giúp duy trì sự riêng tư và uy tín, đồng thời tạo điều kiện để các bên duy trì mối quan hệ hợp tác và thiện chí lâu dài.

Phán quyết của trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực ngay, trong khi tòa án xử lý vụ việc theo cấp tòa, từ sơ thẩm đến phúc thẩm, có thể tiếp tục với các thủ tục như giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, làm cho quá trình tố tụng kéo dài. Hơn nữa, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện, phán quyết của trọng tài được tòa án hỗ trợ trong việc thi hành.

2. Một số hạn chế, bất cập của Luật Trọng tài thương mại 2010

Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật về TTTM ở nước ta có những điểm đặc thù riêng, từ Trọng tài Kinh tế Nhà nước tới TTTM.

Trọng tài Kinh tế Nhà nước được thành lập theo Nghị định số 20/TTg ngày 14/01/1960 và hoạt động theo các văn bản như Nghị định số 94/CP ngày 10/6/1965, Nghị định số 75/CP ngày 14/4/1975, Nghị định số 24/HĐBT ngày 10/8/1981 và Pháp lệnh Trọng tài Kinh tế ngày 10/01/1990. Trọng tài Kinh tế Nhà nước là một cơ quan thuộc bộ máy hành pháp với chức năng giải quyết tranh chấp và còn thực hiện quản lý nhà nước về trọng tài.

Nghị định số 59-CP ngày 30/4/1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tổ chức hội đồng Trọng tài ngoại thương và Nghị định số 153-CP

ngày 5/10/1964 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tổ chức Hội đồng Trọng tài hàng hải Việt Nam². Đây là những hình thức đầu tiên của trọng tài phi Chính phủ ở Việt Nam, tuy nhiên phạm vi giải quyết tranh chấp còn hạn chế. Hội đồng Trọng tài Ngoại thương chỉ xử lý tranh chấp trong lĩnh vực ngoại thương giữa các tổ chức kinh tế Việt Nam và nước ngoài. Hội đồng Trọng tài Hàng hải chỉ giải quyết các vấn đề tranh chấp về giao thông vận tải biển khi ít nhất một bên là cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài.

Trong giai đoạn đổi mới, Việt Nam phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa với sự đa dạng của các thành phần kinh tế. Để phù hợp với bối cảnh mới này, mô hình Trọng tài Kinh tế Nhà nước, vốn vừa đảm nhiệm vai trò giải quyết tranh chấp, vừa là cơ quan quản lý nhà nước, đã không còn phù hợp. Do đó, Nghị định số 116/CP ngày 5/9/1994 đã chính thức đánh dấu sự hình thành của các Trung tâm Trọng tài kinh tế "mới", được tổ chức dưới hình thức các tổ chức xã hội nghề nghiệp độc lập, chủ yếu giải quyết tranh chấp dựa trên sự thỏa thuận của các bên liên quan. Sự thay đổi này đã khởi đầu cho sự phát triển của TTTM tại Việt Nam, làm cho cơ chế trọng tài tiến gần hơn đến bản chất thực sự của một hệ thống trọng tài độc lập.

Pháp lệnh TTTM 2003 sau đó đã thể hiện được tính phi chính phủ của trọng tài, dần dần đưa luật trọng tài của Việt Nam tiệm cận với pháp luật trọng tài quốc tế. Tuy nhiên, mặc dù có vai trò quan trọng, việc sử dụng hình thức Pháp lệnh để điều chỉnh hoạt động của TTTM vẫn chưa phản ánh đầy đủ tầm quan trọng của hoạt động này.

Luật TTTM 2010, có hiệu lực từ ngày 01/02/2011, đánh dấu bước tiến trong việc mở rộng phạm vi các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại, cũng như một số quan hệ dân sự khác khi ít nhất một bên tham gia là người hoạt động thương mại. Luật này được hình thành trên cơ sở tổng hợp lý thuyết và kinh nghiệm áp dụng từ Pháp lệnh Trọng tài trước đó, cũng như việc áp dụng các nguyên tắc từ Luật Mẫu UNCITRAL về TTTM Quốc tế, nhằm mục đích hội nhập quốc tế cho pháp luật trọng tài của Việt Nam. Tuy nhiên, dù có những thành công nhất định, việc thực thi Luật

TTTM 2010 tại Việt Nam đã cho thấy một số bất cập trong quá trình áp dụng.

Một là, về điều kiện thành lập Trung tâm Trọng tài thương mại.

Điều 24, Luật TTTM 2010 quy định về điều kiện thành lập Trung tâm trọng tài, được hướng dẫn thi hành bởi Nghị định số 63/2011/NĐ-CP và được sửa đổi bổ sung bằng Nghị định số 124/2018/NĐ-CP. Theo đó, *Trung tâm trọng tài được thành lập khi có ít nhất 5 sáng lập viên là công dân Việt Nam có đủ điều kiện là Trọng tài viên đề nghị thành lập và được Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập*. Những quy định này được đánh giá là tạo điều kiện cho việc thành lập các Trung tâm trọng tài tại Việt Nam, cũng như phát triển số lượng trọng tài viên.

Điều này được cho thấy thông qua số lượng Trung tâm trọng tài phát triển trong thời gian qua, theo cục Bỏ trợ Tư pháp, Việt Nam có 48 Trung tâm TTTM và 01 văn phòng đại diện của Ủy ban TTTM Hàn Quốc với hơn 720 trọng tài viên³. Thị trường dịch vụ pháp lý về TTTM tại Việt Nam được đánh giá là hấp dẫn và phát triển trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đang ngày một hội nhập sâu và rộng hơn vào nền kinh tế khu vực, cũng như thế giới.

Tuy nhiên, trên thực tế, hiệu quả hoạt động của một số Trung tâm trọng tài chưa cao, có Trung tâm trọng tài từ khi thành lập đến nay chưa giải quyết vụ tranh chấp nào, không đảm bảo các điều kiện hoạt động tối thiểu, gây ảnh hưởng đến hiệu lực và uy tín của trọng tài. Có thể thấy, TTTM giải quyết tranh chấp là một loại dịch vụ pháp lý với phạm vi thị trường nhỏ, có nhiều nét tương đồng với các dịch vụ chất lượng cao khác. Dịch vụ này phụ thuộc rất lớn vào yếu tố uy tín của tất cả các nhà cung cấp dịch vụ trên thị trường. Do đó, một nhà cung cấp yếu kém có thể gây ảnh hưởng tới niềm tin của người sử dụng dịch vụ trọng tài - các doanh nghiệp, gây khó khăn cho cả thị trường.

Vì vậy, mặc dù điều kiện thành lập Trung tâm trọng tài được quy định đơn giản, thông thoáng, nhưng việc quản lý hết sức quan trọng. Các Trung tâm trọng tài không đủ nguồn lực, không đủ nhân lực, không đủ năng lực được thành lập sẽ gây ảnh hưởng xấu tới toàn ngành.

Hai là, về thẩm quyền của TTTM.

Điều 2 Luật TTTM quy định về thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của TTTM bao gồm:

- *Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại;*

- *Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại;*

- *Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài.*

Với quy định trên, phạm vi thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của TTTM đã được mở rộng phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu thực tiễn, thống nhất và rõ ràng. Tuy nhiên, Điểm a, Khoản 1, Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định với tranh chấp có yếu tố nước ngoài liên quan đến quyền đối với tài sản là bất động sản tại Việt Nam thuộc *thẩm quyền giải quyết riêng biệt của Tòa án Việt Nam*.

Từ quy định đó, đã có một số vụ tranh chấp có cùng bản chất nhưng các Tòa án đã có các quyết định khác nhau. Cụ thể, Quyết định số 393/2017/QĐ-PQTT của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã kết luận Hội đồng trọng tài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng thuê đất cùng các cơ sở hạ tầng, là đúng quy định theo Điều 2 Luật TTTM⁴. Tuy nhiên, cùng các yếu tố về tranh chấp có yếu tố nước ngoài liên quan đến quyền đối với tài sản là bất động sản tại Việt Nam, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại Quyết định số 03/2018/QĐ-PQTT ngày 11/07/2018 đã hủy Phán quyết trọng tài. Căn cứ hủy phán quyết trọng tài là tranh chấp giữa các bên thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án, theo điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Như vậy, cùng một quy định, nhưng hai Tòa án tại hai địa phương có cách thức áp dụng khác nhau, gây mâu thuẫn, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong tranh chấp.

Ba là, về tạm đình chỉ việc xem xét giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

Quy định tại Khoản 7, Điều 71, Luật TTTM 2010 nhằm cho phép khả năng Tòa án dành cơ hội cho trọng tài được khắc phục các sai sót trong quá trình tố tụng, tránh việc hủy các phán quyết trọng tài.

Cụ thể, theo yêu cầu của một bên và xét thấy phù hợp, Hội đồng xét đơn yêu cầu có thể tạm đình

chỉ việc xem xét giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài trong thời hạn không quá 60 ngày để tạo điều kiện cho Hội đồng trọng tài khắc phục sai sót tố tụng trọng tài theo quan điểm của Hội đồng trọng tài nhằm loại bỏ căn cứ hủy bỏ phán quyết trọng tài. Hội đồng trọng tài phải thông báo cho Tòa án biết về việc khắc phục sai sót tố tụng. Trường hợp Hội đồng trọng tài không tiến hành khắc phục sai sót tố tụng thì Hội đồng tiếp tục xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

Từ quy định này, Hội đồng trọng tài có cơ hội khắc phục sai sót tố tụng để hạn chế việc phán quyết trọng tài bị hủy, bởi Tòa án khi đáp ứng 2 điều kiện: (i) Có yêu cầu của một bên và (ii) Tòa án xét thấy phù hợp, cần thiết.

Có thể thấy, với điều kiện thứ hai, phụ thuộc hoàn toàn vào quan điểm của Tòa án. Điều luật quy định nhằm làm tăng khả năng của Tòa án dành cơ hội cho trọng tài được khắc phục sai sót trong hoạt động tố tụng, nhưng vô hình chung trao quyền cho Tòa án quá lớn. Theo quy định, Tòa án có toàn quyền cho phép hoặc không cho phép trọng tài khắc phục, sửa chữa lỗi tố tụng.

Quy định không rõ ràng này, trên thực tiễn, bằng quan điểm của mình, Tòa án đã hủy phán quyết của Hội đồng trọng tài vì những sai sót kỹ thuật hoàn toàn có thể khắc phục được, không mang bản chất vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

Bốn là, về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài.

Theo quy định, thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài được quy định trong phần VII Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Khoản 11, Điều 3 Luật TTTM 2010 quy định trọng tài nước ngoài là Trọng tài được thành lập theo quy định của pháp luật trọng tài nước ngoài (tranh chấp có thể nảy sinh trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam, địa điểm giải quyết tranh chấp có thể trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam do các bên lựa chọn). Luật TTTM 2010 chưa quy định rõ địa điểm tố tụng trọng tài có thể được coi là yếu tố xác định tính chất “nước ngoài” của trọng tài.

Đối với trọng tài quy chế, việc xác định trung tâm trọng tài thành lập theo pháp luật nước ngoài không khó khăn. Nhưng đối với trọng tài vụ việc, tố tụng trọng tài hoàn toàn do các bên thỏa thuận thì

việc xác định trọng tài được thành lập theo pháp luật nước nào không đơn giản.

Ngoài ra, Khoản 8 Điều 3 và Điều 11 Luật TTTM 2010 về địa điểm tố tụng trọng tài, nơi hội đồng trọng tài tuyên phán quyết và phân biệt địa điểm tố tụng trọng tài với địa điểm thực tế tổ chức các phiên họp của hội đồng trọng tài có một số điểm chưa rõ ràng. Cụ thể:

Theo Khoản 8 Điều 3 Luật TTTM 2010, địa điểm giải quyết tranh chấp ở Việt Nam, phán quyết được coi là tuyên ở Việt Nam mà không phụ thuộc vào nơi Hội đồng trọng tài tiến hành phiên họp để ra phán quyết đó. Như vậy, theo Khoản 2 Điều 7 Luật TTTM 2010, Tòa án Việt Nam có thẩm quyền tuyên hủy hán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc mà không phân biệt trọng tài trong nước hay nước ngoài.

Tuy nhiên, hướng dẫn tại điểm b, khoản 5, Điều 5 của Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP quy định “Tòa án Việt Nam không có thẩm quyền đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc của Trọng tài nước ngoài tại điểm g khoản 2 Điều 7 Luật TTTM 2010”. Như vậy, hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán và Luật TTTM 2010 mâu thuẫn về địa điểm tố tụng trọng tài.

Từ những quy định trên, cũng có thể thấy, với sự phát triển của công nghệ, việc giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution - ODR) đã xóa nhòa đi các yếu tố xác định địa điểm tố tụng trọng tài, nơi Hội đồng trọng tài tiến hành phiên họp hay nơi ra phán quyết. Từ đó khó khăn trong việc xác định thẩm quyền và pháp luật áp dụng đối với việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

3. Giải pháp hoàn thiện Luật Trọng tài Thương mại 2010

Với những hạn chế, bất cập đó, đồng thời với việc triển khai xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TTTM, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết các hạn chế, bất cập trên như sau:

Một là, vấn đề quản lý thị trường dịch vụ trọng tài của các cơ quan quản lý trực tiếp như Bộ Tư pháp là rất quan trọng. Trong đó, vai trò của Bộ Tư pháp với tư cách là cơ quan quản lý, cần phải

phân loại “bên cung ứng” dịch vụ trọng tài - các trung tâm trọng tài, hạn chế các trung tâm yếu kém, không đảm bảo năng lực. Để tránh tình trạng buông lỏng quản lý, các văn bản hướng dẫn Luật TTTM sau này khi xây dựng điều kiện thành lập trung tâm trọng tài, cần phải có các quy định cụ thể. Đó là điều kiện tối thiểu về trụ sở riêng, diện tích làm việc, phòng xét xử, phòng làm việc cho trọng tài viên, phòng làm việc nhân viên, phòng tiếp khách, phòng chờ dành cho các bên tranh chấp...

Hai là, như trình bày ở trên về cách thức áp dụng Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đang gây nhiều mâu thuẫn về việc xác định thẩm quyền của TTTM đối với các tranh chấp liên quan tới bất động sản có yếu tố nước ngoài. Theo quan điểm của tác giả, hiện nay Luật Đất đai 2024 đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/08/2024, Khoản 5, Điều 236 quy định *Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự hoặc do Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật về trọng tài thương mại*. Sự thay đổi này thể hiện nỗ lực của nhà làm luật và cũng phù hợp với thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại có liên quan tới đất đai, khác với tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai.

Từ đó, để áp dụng thống nhất giữa các Tòa án, cần có định hướng, giải thích, làm rõ những tranh chấp thương mại liên quan đến đất đai có thể được các bên lựa chọn TTTM để giải quyết. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần lựa chọn, phát triển và công bố án lệ có liên quan tới

việc áp dụng Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật TTTM.

Ba là, để tạo điều kiện cho Hội đồng trọng tài được khắc phục sai sót đơn giản, không mang tính hệ thống trong hoạt động tố tụng, tác giả đề xuất sửa lại quy định của Khoản 7, Điều 71 Luật TTTM 2010 như sau: “*Theo yêu cầu của một trong các bên tranh chấp hoặc của Hội đồng trọng tài, Hội đồng xét đơn yêu cầu có thể tạm đình chỉ việc xem xét giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài trong thời hạn không quá 60 ngày ...*”. Quy định như vậy nhằm tạo điều kiện cho hội đồng trọng tài có thể khắc phục sai sót tố tụng của mình, đồng thời đề cao vai trò, sự tôn trọng thẩm quyền của Tòa án đối với TTTM và tránh phán quyết bị hủy trong những trường hợp có thể sửa chữa.

Bốn là, với những khó khăn trong việc xác định địa điểm tiến hành tố tụng trọng tài, nơi ra phán quyết trọng tài... theo quan điểm của tác giả, trong bối cảnh đề xuất, sửa đổi, bổ sung Luật TTTM 2010 hiện nay, có thể đưa chế định hủy phán quyết trọng tài; công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài từ Bộ luật Tố tụng Dân sự sang Luật TTTM. Tuy nhiên, giải pháp này cần được nghiên cứu, đánh giá khả năng sửa đổi đồng thời cả Bộ Luật tố tụng Dân sự và Luật TTTM.

Trong bối cảnh Việt Nam bước sang giai đoạn mới, tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế, trước nhu cầu thực tiễn về giải quyết tranh chấp đầu tư, kinh doanh, thương mại... việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật về TTTM đảm bảo phù hợp với thực tiễn giải quyết tranh chấp của Việt Nam và thông lệ quốc tế là cần thiết ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Đỗ Văn Đại (2007), Giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 6/2007

² Nguyễn Văn Kịch (2024), Hoàn thiện thể chế, pháp luật, nâng vị thế Trọng tài thương mại đáp ứng yêu cầu của hội nhập và phát triển, Tạp chí điện tử Pháp lý. Truy cập tại <https://phaply.net.vn/hoan-thien-the-che-phap-luat-nang-vi-the-trong-tai-thuong-mai-dap-ung-yeu-cau-cua-hoi-nhap-va-phat-trien-a257588.html>

³<https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1947&l=Nghiencuutraodoi>

⁴Quyết định số 393/2017-QĐ-PQTT của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh - “Hoạt động cho thuê đất cùng các cơ sở hạ tầng nhằm mục đích thu lợi nhuận là hoạt động thương mại. Các bên tham gia hợp đồng đều có đăng ký kinh doanh, vì vậy tranh chấp giữa các bên trong hợp đồng thuộc phạm vi giải quyết bằng trọng tài theo Điều 2 của Luật Trọng tài Thương mại năm 2010 nên Hội đồng Trọng tài giải quyết tranh chấp giữa các bên là đúng thẩm quyền”

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đoàn Trung Kiên, Nguyễn Thị Vân Anh (2020), Giải pháp hoàn thiện pháp luật về Trọng tài thương mại ở Việt Nam, Tạp chí Nghề Luật, Số 06/2020.

2. Tưởng Duy Lượng (2015), Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án và việc phân biệt thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa Trọng tài và Tòa án theo quy định của Luật Trọng tài thương mại và Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tạp chí Tòa án nhân dân số 16.

Ngày nhận bài: 1/6/2024
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/6/2024
Ngày chấp nhận đăng bài: 12/7/2024

Thông tin tác giả:
NGUYỄN MINH ĐỨC
Trưởng Bộ môn Luật - Khoa Kế toán - Tài chính
Trường Đại học Văn Hiến

**ANALYZING SOME LIMITATIONS IN THE LAW
ON COMMERCIAL ARBITRATION 2010 AND PROPOSING
MEASURES TO AMEND AND SUPPLEMENT THIS LAW**

● NGUYEN MINH DUC
Dean, Department of Law,
Faculty of Accounting - Finance, Van Hien University

ABSTRACT:

The Law on Commercial Arbitration 2010 has made a significant contribution to improving the judicial system and expanding Vietnam's network of arbitration centers and arbitrators. However, during the enforcement process, some limitations about jurisdiction, arbitration agreements, arbitration methods, and the management of commercial arbitration activities have emerged. This paper analyzed some limitations in the Law on Commercial Arbitration 2010 and proposed measures to amend and supplement this law.

Keywords: commercial arbitration, commercial dispute resolution, arbitration center, arbitrator, the Law on Commercial Arbitration 2010.